

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15/01/2021

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.
 - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Hoàng Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2020/TLST-HNGĐ
ngày 02/10/2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về con chung ” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 75/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 25/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Đinh Xuân V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lái xe.

Chị Q, anh V đều đề nghị xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24/09/2020, bản tự khai ngày 08/10/2020 chị Q

trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đinh Xuân V kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị sinh sống cùng bố mẹ anh V tại thôn Đ, xã C đến khi vợ chồng sống ly thân.

- *Về tình cảm:* Từ khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V nghiện ma túy, thường xuyên chơi bời, không chịu lao động, mỗi lần anh V lên cơn nghiện anh V thường xuyên chửi bới, xúc phạm, giày vò vợ con trong cuộc sống. Vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng, nhưng đến tháng 10/2016 do không thể chịu đựng được nữa chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình để sinh sống, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay chị đề nghị Tòa án giải Quyết cho chị được ly hôn với anh V để chị ổn định cuộc sống.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đinh Bảo L, sinh ngày 29/01/2014 hiện nay đang ở với anh V. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung và không đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con chung vì anh V nghiện ma túy sẽ ảnh hưởng tới cháu về sau này.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị xác định không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

Trong biên bản không hòa giải được ngày 10/12/2020 và đơn xin xử vắng mặt ngày 25 tháng 12 năm 2020 chị Q trình bày:

- *Về tình cảm:* Chị kiên quyết xin ly hôn anh V.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Do hiện nay điều kiện kinh tế của chị khó khăn, không có công việc ổn định, không có thu nhập, không có nhà đất, bản thân chị đang phải thuê nhà ở trọ, điều kiện sinh hoạt khó khăn sẽ ảnh hưởng tới việc học tập và sinh hoạt của cháu L nên chị thay đổi ý kiến là nhất trí giao cháu L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay do kinh tế khó khăn các điều kiện về cuộc sống của chị như đã nêu trên nên chị không thể cấp dưỡng nuôi con được nên không thể cấp dưỡng. Sau này chị có công việc và thu nhập ổn định chị sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2020 anh Đinh Xuân V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của

Tòa án gửi cho anh thông báo về việc chị Q xin ly hôn với anh. Hiện nay anh đang lái xe thuê nên công việc bận, không sắp xếp được thời gian để làm việc với Tòa án. Nay chị Q xin ly hôn thì anh chưa đồng ý ly hôn vì anh và chị Q còn nhiều khúc mắc. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh V xác định vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Đình Bảo L, sinh ngày 29/01/2014 (hiện nay đang ở với anh và ông bà nội từ khi anh và chị Q sống ly thân). Trường hợp chị Q kiên quyết ly hôn, thì anh xin nuôi cháu L và yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật. Anh V xác nhận từ khi vợ chồng anh sống ly thân, thỉnh thoảng chị Q có gửi quần áo và số tiền 500.000 đồng hoặc 1.000.000 đồng trong khoảng thời gian 1 năm để nuôi con cùng anh. Hiện nay anh V làm nghề lái xe thuê mỗi tháng thu nhập bình quân khoảng 05 triệu đồng.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cuối lời khai anh V đề nghị, khi nào Tòa án hòa giải và xét xử anh sẽ có mặt nếu vắng mặt anh nhất trí để Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử của Thẩm phán: Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Ngày 15/01/2021, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75 ngày 25/12/2020. Tại phiên tòa chị Q và anh V vắng mặt đều có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 để tiến hành phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 5, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân

và gia đình; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

Xử: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Bùi Ngọc Q.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử lý hôn giữa chị Bùi Ngọc Q và anh Đinh Xuân V.
2. *Về con chung:* Giao cháu Đinh Bảo L, sinh ngày 29/01/2014 hiện cháu đang ở với anh V cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.
3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Q phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh V mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. *Về án phí:*

Án phí ly hôn: Chị Bùi Ngọc Q phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Ngọc Q phải nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” giữa chị Bùi Ngọc Q và anh Đinh Xuân V. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Q, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị Q đã nhận và chấp hành đầy đủ, anh V đã nhận nhưng không chấp hành đầy đủ. Đến ngày 25/12/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh V kết hôn với nhau ngày 21/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của hai người là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh V thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị Q. Vì vậy đến tháng 10/2016 chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình để sinh sống, từ đó đến nay chị Q và anh V sống ly thân không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau, hai người cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối với anh V những lý do mà anh đưa ra để không nhất trí ly hôn với chị Q là không có cơ sở.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật để tiến hành hòa giải giữa chị Q và anh V, nhưng anh V đều vắng mặt. Chị Q đã làm đơn từ chối hòa giải. Đây là những bằng chứng xác định tình cảm vợ chồng chị Q và anh V không còn khả năng đoàn tụ. Đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q: Xử lý hôn giữa chị Q và anh V là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Ngọc Q và anh Đinh Xuân V có 01 con chung là Đinh Bảo L, sinh ngày 29/01/2014 hiện đang ở với anh V tại thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Xét thực tế con chung của vợ chồng chị Q đã ở với anh V và bố mẹ anh V từ nhỏ đã ổn định về nhiều mặt trong cuộc sống. Anh V hiện nay làm nghề lái xe có mức thu nhập bình quân khoảng 5 triệu đồng một tháng (theo biên bản xác minh giữa Tòa án và UBND xã C ngày 01/12/2020) đủ khả năng để nuôi cháu L ăn học, phát triển bình thường.

Tại đơn xin xử vắng mặt ngày 25/12/2020 chị Q cũng nhất trí để anh V nuôi con nên cần giao cho anh V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Từ thực tế về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh V cũng như khả năng, điều kiện kinh tế, việc làm của chị Q hiện nay là khó khăn. Qua xác minh thu nhập của chị Q bình quân một ngày khoảng 130.000đồng. Mặc dù vậy vẫn cần buộc chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V một tháng là 800.000 đồng, thời gian tính từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật (áp dụng các Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q và anh V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung về công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Ngọc Q và anh Đinh Xuân V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Bảo L, sinh ngày 29/01/2014 (hiện nay đang ở cùng với anh V tại thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình) cho anh V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V một tháng là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

4. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Bùi Ngọc Q phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Q đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/0000634 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

- *Án phí cấp dưỡng:* Chị Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Q và anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *UBND xã C;*
- *Đương sự;*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực